

NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

THS NGUYỄN XUÂN ỚT*

Kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN) là vấn đề lý luận và thực tiễn hết sức mới mẻ và phức tạp. Sự hình thành tư duy của Đảng ta về KTTT là cả một quá trình tìm tòi thử nghiệm, phát triển từ thấp đến cao, từ chưa đầy đủ, hoàn thiện đến ngày càng đầy đủ, sâu sắc và hoàn thiện hơn. Quá trình đó trải qua mấy thời kỳ sau:

1- *Trước đổi mới (trước Đại hội Đảng lần thứ VI, năm 1986)*

Từ Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ VI (tháng 1-1949) đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951) và sau đó là năm 1953 trong loạt bài về thường thức chính trị đăng trên báo *Cứu quốc*, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến có tính chất dân chủ nhân dân, bao gồm 5 thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể của các hợp tác xã, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư doanh và kinh tế tư bản nhà nước.

Từ sau 1954, tư tưởng xây dựng nền kinh tế dân chủ nhân dân bao gồm nhiều thành phần đã được Đảng ta tiếp tục thực hiện. Trong báo cáo

của Bộ Chính trị trình trước Hội nghị Trung ương 8 (8-1955), Hội nghị BCH TƯ lần thứ mười một (mở rộng, 1956), lần thứ mười hai (mở rộng, 3-1957) đều quán triệt tinh thần đó. Các nghị quyết chi rõ phái cứng cổ và phát triển chế độ kinh tế dân chủ nhân dân với nội dung chủ yếu là kinh tế nhiều thành phần (một trong những đặc trưng quan trọng của KTTT) và tư tưởng làm dần dần, làm từng bước. Với nhận thức đó, Đảng ta đã lãnh đạo đất nước giành được những thắng lợi quan trọng trong thời kỳ khôi phục kinh tế 1954-1957. Trong thời kỳ này, tiềm năng của mọi thành phần kinh tế được sử dụng có hiệu quả. Đặc biệt, đối với khu vực công thương nghiệp tư bản tư doanh, Đảng ta chủ trương vừa sử dụng vừa cải tạo, sử dụng để cải tạo giai cấp tư sản và tiểu thương, tiểu chủ, tạo điều kiện cho họ phát huy khả năng về tiền vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý; đồng thời hạn chế những mặt tiêu cực của họ.

Từ Hội nghị lần thứ mười ba BCH TƯ (Khoá II, tháng 12-1957) bắt đầu có sự chuyển đổi về tư tưởng chỉ đạo, chuyển từ tư tưởng làm dần dần, từng bước sang tiến nhanh, tiến thẳng lên CNXH. Từ đó Trung ương đề ra yêu cầu: miền Bắc có thể

* Học viện CT-HC Quốc gia Hồ Chí Minh

và cần phải tiến lên theo một nhịp độ cao hơn... *biến nền kinh tế quốc dân nhiều thành phần thành một nền kinh tế XHCN thuần nhất*, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và chế độ sở hữu tập thể. Trong chỉ đạo chuyển đổi, đã có những sai lầm trong quá trình tiến hành cải tạo XHCN đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư bản, tư doanh và đặc biệt là chuyển nền kinh tế nhiều thành phần thành nền kinh tế chỉ còn kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể.

Từ 1958 đến 1975 là thời kỳ Việt Nam cũng như nhiều nước XHCN khác đã áp dụng mô hình XHCN kiểu Xôviết, mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp mà thực chất là mô hình kinh tế cứng nhắc phi thị trường; quá đề cao vai trò của thành phần kinh tế XHCN dưới hai hình thức: kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, còn các thành phần khác từng bước bị xoá bỏ bằng những chính sách, biện pháp hành chính áp đặt, nóng vội để đẩy nhanh tiến độ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với chúng. Kết quả là thành phần kinh tế XHCN (quốc doanh và tập thể) phát triển nhanh về số lượng, mở rộng qui mô và phạm vi hoạt động, nhưng hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp và ngày càng có xu hướng giảm sút. Còn các thành phần kinh tế khác ngày càng bị thu hẹp và không phát triển được.

Mặc dù thời kỳ này Đảng ta cũng đã nhận thấy những hạn chế và khuyết tật của mô hình XHCN kiểu cũ và đã có những cố gắng khắc phục chúng, nhưng trong điều kiện có chiến tranh nên chưa làm được bao nhiêu. Đó là các vấn đề: xác định nội dung của bước đi ban đầu thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, vấn đề thực hiện hạch toán kinh doanh XHCN, cải tiến quản lý kinh tế... thể hiện qua nhiều tác phẩm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Nghị quyết

các Hội nghị Trung ương lần thứ mười chín, hai mươi (Khoá III).

Sau ngày đất nước thống nhất, cả nước cùng đi lên CNXH thì mô hình kinh tế kiểu cũ càng ngày càng bộc lộ những khuyết tật và hiệu quả ngày càng thấp, không đáp ứng được những yêu cầu chủ yếu và bức thiết của xã hội. Có tình trạng như vậy là do nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết và quan trọng nhất là do vẫn tiếp tục duy trì cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu và chế độ phân phối bình quân chủ nghĩa. Cơ chế đó đã kìm hãm, làm thui chột động lực và tính cạnh tranh giữa các lực lượng kinh tế, không huy động và sử dụng được các nguồn lực của đất nước. Hơn nữa, công tác chỉ đạo, lãnh đạo, quản lý cũng phạm phải những sai lầm mà nguyên nhân sâu xa là bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, giản đơn, nóng vội, không tôn trọng qui luật kinh tế khách quan... khiến cho nền kinh tế lâm vào tình trạng trì trệ kéo dài dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn.

Những tác động của cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc cộng với những hậu quả nặng nề do thiên tai đem lại những năm 1977-1978 càng làm nghiêm trọng hơn tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, đặc biệt là lực lượng vũ trang và cán bộ công nhân viên chức. Đến lúc này, yêu cầu phải thay đổi cơ chế kinh tế cũ, lạc hậu đã trở thành bức xúc đối với toàn Đảng và các địa phương.

Mở đầu cho quá trình ấy là Hội nghị lần thứ sáu BCHTW Khóa IV (tháng 8-1979) với chủ trương và quyết tâm làm cho sản xuất bung ra. Nghị quyết là bước khởi đầu của việc đổi mới tư duy kinh tế, chấp nhận và khuyến khích kinh tế

cá thể, kinh tế tư nhân và quan hệ thị trường tự do đến mức nhất định. Nói cách khác là chấp nhận kinh tế tư hữu và thị trường tự do. Tiếp sau đó là Chỉ thị 100 (1981) của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; Quyết định 25-CP và Quyết định 26-CP (1981) của Hội đồng Chính phủ về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

Đến đây, không còn xem kế hoạch là công cụ duy nhất để định hướng phát triển kinh tế; đã khẳng định sự cần thiết phải kết hợp kế hoạch với thị trường, kết hợp thị trường có kế hoạch với thị trường không có kế hoạch.

Đại hội Đảng lần thứ V (3-1982) khẳng định sự tồn tại trong một thời gian nhất định ở miền Nam 5 thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể, tư bản tư nhân). Tuy nhiên, những tư tưởng đổi mới của Đảng ta khi đưa vào thực tiễn thật không dễ dàng, đã phải trải qua những thử thách rất phức tạp. Phải đến Hội nghị lần thứ tám BCH TƯ Khóa V (6-1985), Đảng ta chủ trương dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế một giá; xoá bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp; chuyển mọi hoạt động sản xuất kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN; chuyển ngân hàng sang nguyên tắc kinh doanh. Hội nghị này đã *thừa nhận sản xuất hàng hoá và những qui luật của sản xuất hàng hoá*.

Tháng 8-1986, Bộ Chính trị đã xem xét kỹ các vấn đề lớn, mang tính bao trùm trên lĩnh vực kinh tế, từ đó đưa ra *kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế*:

- Trong cải tạo XHCN, xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.

- Trong cơ chế quản lý kinh tế, lấy kế hoạch làm trung tâm, nhưng đồng thời phải sử dụng đúng quan hệ hàng hoá - tiền tệ, dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; chính sách giá phải vận dụng qui luật giá trị, tiến tới thực hiện cơ chế một giá¹.

Đây là bước đột phá thứ ba kể từ Hội nghị Trung ương 6 (Khoá IV), có ý nghĩa lớn trong đổi mới tư duy lý luận về CNXH.

2- Thời kỳ đổi mới (từ Đại hội Đảng lần thứ VI, năm 1986 đến nay)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã xác định dứt khoát phải từ bỏ những nhận thức sai lầm, những quan điểm lỗi thời, lạc hậu về CNXH, phải nhận thức lại cho đúng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXH.

Từ sau Đại hội, Trung ương khẳng định phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh theo quan điểm *phát triển nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch gồm nhiều thành phần kinh tế cùng đi lên CNXH*². Phương hướng chính để đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là xoá bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với qui luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế, nhằm tạo ra động lực thúc đẩy hoạt động tích cực của các đơn vị sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả, xác định cơ chế mới về quản lý kinh tế là cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh XHCN.

Đại hội VI còn nhấn mạnh sự cần thiết phải kết hợp hài hoà các lợi ích của người lao động,

tập thể và toàn xã hội, coi đó là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

Hội nghị lần thứ sáu BCH TƯ Khóa VI (tháng 3-1989) đã phát triển thêm một bước, đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá và khẳng định *chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính qui luật từ sản xuất nhỏ đi lên CNXH* và thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế, đảm bảo cho mọi người tự do làm ăn theo pháp luật. Hội nghị cũng chỉ ra rằng, kinh tế quốc doanh cần phải vươn lên đủ sức chi phối thị trường, song không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành nghề, khu vực; những ngành nghề, khu vực nào mà kinh tế hợp tác xã, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân có thể làm tốt, có lợi cho quốc kế dân sinh thì nên tạo điều kiện cho loại hình kinh tế ấy phát triển. Việc xử lý lạm phát năm 1989 bằng cách mở thông thị trường trong nước và xuất nhập khẩu, gắn với việc thả nổi giá cả, đưa lãi suất và tỷ giá sát giá thị trường, bù giá vào lương (bỏ hệ thống tem phiếu, chỉ giữ lại số gạo); bỏ bao cấp với đơn vị kinh tế qua giá cả, lãi suất tín dụng, tỷ giá và cấp phát tài chính, thả nổi hệ thống giá cả thực chất là Nhà nước trả lại thị trường chức năng của nó. Từ đây Nhà nước bắt đầu quản lý theo cơ chế thị trường. Như vậy, đường lối Đại hội VI khẳng định chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và đổi mới tổng thể chính sách kinh tế. Đến Nghị quyết Trung ương 6 Khóa VI (1989) chuyển nền kinh tế vào cơ chế thị trường có điều tiết của Nhà nước.

Đại hội lần thứ VII của Đảng (6-1991) tiếp tục khẳng định chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế, vừa cạnh tranh, vừa hợp tác, bổ sung cho nhau trong nền kinh tế quốc dân

thống nhất. Đại hội đưa ra kết luận rất quan trọng: *sản xuất hàng hoá không đối lập với CNXH* mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng CNXH. Trên cơ sở đó, Đại hội đã xác định xây dựng cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN. *“cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước”* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Trong cơ chế đó, thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Nhà nước quản lý nền kinh tế nhằm định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường.

Đại hội khẳng định rõ hơn: từng bước hình thành đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, dịch vụ, thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường sức lao động. Đến đây, những yếu tố của nền KTTT đã từng bước hình thành và được thừa nhận.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (6-1996) chủ trương tiếp tục *phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN*. Một lần nữa, Đại hội khẳng định tính nhất quán, lâu dài của chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục

liều xoá bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, hình thành tương đối đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế, chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và bằng các nguồn lực của khu vực kinh tế Nhà nước.

Đại hội VIII cũng khẳng định sản xuất hàng hoá không đối lập với CNXH mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng CNXH và cả khi CNXH đã được xây dựng. Tuy nhiên, từ sau Đại hội VIII, kinh tế ngoài quốc doanh phát triển rất nhanh nhờ những chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. Hiến pháp 1992 khẳng định vai trò hợp hiến của kinh tế tư nhân và tư bản tư nhân; Luật Doanh nghiệp sửa đổi (1999)... Trong khi đó khu vực kinh tế nhà nước phát triển chậm và có xu hướng suy giảm (từ 1996 trở về sau), nguyên nhân chủ yếu là do thiếu sự nhất quán kéo dài về tư tưởng, lý luận CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Đến Đại hội IX (4-2001) Đảng đã chính thức đưa ra khái niệm “*KTTT định hướng XHCN*” là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Đại hội khẳng định chủ trương xây dựng và phát triển nền KTTT định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát, là đường lối chiến lược nhất quán của Việt Nam trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Đại hội cũng xác định nền KTTT của Việt Nam không phải KTTT tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là KTTT XHCN mà là KTTT định hướng XHCN. Đại hội chỉ rõ đường lối kinh tế của đất nước là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đưa Việt

Nam trở thành một nước công nghiệp. Trong nền kinh tế đó phát triển lực lượng sản xuất là vấn đề được ưu tiên; đồng thời các quan hệ sản xuất được xây dựng phù hợp với định hướng XHCN, cho phép phát huy cao độ nội lực và tranh thủ nguồn lực bên ngoài. Trong nền kinh tế đó, các chủ thể kinh tế chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững. Nhà nước bảo đảm để tăng trưởng kinh tế luôn đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; mục tiêu tiên bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường phải đạt được trên từng bước của quá trình phát triển kinh tế.

Đại hội xác định thị trường ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với các quá trình kinh tế - xã hội. Xây dựng và phát triển hệ thống thể chế thị trường định hướng XHCN. Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng XHCN, đặc biệt là các thị trường quan trọng như thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ. Phát triển thị trường hàng hoá và dịch vụ; phát huy vai trò nòng cốt, định hướng và điều tiết của kinh tế nhà nước trên thị trường.

Trong nền KTTT định hướng XHCN, kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể tạo thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân, kể cả kinh tế tư bản tư nhân là một bộ phận quan trọng hợp thành của nền KTTT định hướng XHCN.

Đại hội X của Đảng (4-2006) đã có những bước tiến mới mạnh mẽ và rõ ràng hơn trong tư duy lý luận về KTTT định hướng XHCN, trong đó quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở nước ta đã được xác định trên những nét cơ bản:

- Về xã hội XHCN xây dựng ở Việt Nam là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; xã hội đó do nhân dân làm chủ có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp, con người được giải phóng khỏi áp bức bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, được phát triển toàn diện.

- Về con đường đi lên CNXH, Đại hội xác định: Để đi lên CNXH, chúng ta phải phát triển KTTT định hướng XHCN. Khái niệm định hướng XHCN cũng được chỉ rõ: Thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Hội nghị lần thứ sáu BCH TƯ Khóa X (1-2008) ra Nghị quyết về *tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN*. Nghị quyết khẳng định: sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế KTTT định hướng XHCN. Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hoá thành Hiến pháp, pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền KTTT định hướng XHCN. Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản từ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là chủ yếu sang nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen hỗn hợp, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho khai thác tiềm năng trong và

ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội. Các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã đi vào cuộc sống, doanh nghiệp và doanh nhân được tự chủ kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh để phát triển.

Tuy nhiên, do việc xây dựng KTTT định hướng XHCN ở nước ta là hoàn toàn mới chưa có tiền lệ trong lịch sử; nhận thức về KTTT định hướng XHCN và thể chế KTTT định hướng XHCN còn nhiều hạn chế... nên quá trình xây dựng thể chế KTTT định hướng XHCN còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Vì vậy, Hội nghị lần thứ sáu BCH TƯ Khóa X chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN theo hướng: Thống nhất nhận thức về nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta; hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh; hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường; hoàn thiện thể chế gắn kết, tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường; hoàn thiện thể chế nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế, tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của nhân dân vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

1. Xem: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới*, CTQG, H, 2005, tr.48

2. Xem: *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 Khóa VI*, tháng 3-1989.